TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tuyết Sơn;

Ông Nguyễn Văn Thả.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Trung Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 2, ấp T, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn L, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 2, ấp T, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn L sống chung với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 23-9-2002, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, bia về nhà đánh chị, ngoài ra trong khoảng thời gian từ 01 năm trở lại đây, chị biết anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường xuyên bỏ nhà đi không về, chỉ ở nhà được khoản mấy giờ đồng hồ rồi lại đi. Do đó, nay chị

nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, anh L không quan tâm đến gia đình nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Văn S, sinh ngày 08-5-2002 và Phan Khánh D, sinh ngày 22-3-2013, hiện 02 cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Sang đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phan Văn L nhưng anh L không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Thanh nhưng có ý kiến đối với phần tài sản chung như sau:

Phần tài sản chung của vợ chồng yêu cầu giao lại cho 02 con chung. Nếu sau khi ly hôn anh và chị T, một trong hai người có vợ hoặc có chồng khác thì không được sinh sống tại phần tài sản đã giao cho các con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục , thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, giữa chị Phạm Thị T và anh Phan Văn L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Phan Văn L.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh L có 02 người con chung tên Phan Văn S, sinh ngày 08-5-2002 và Phan Khánh D, sinh ngày 22-3-2013. Hiện cháu S đã thành niên, chị T không yêu cầu giải quyết; cháu D đang sống chung với chị T ổn định và theo nguyện vọng của cháu D muốn sống với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Phan Khánh D, sinh ngày 22-3-2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T và anh Phan Văn L là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phan Văn L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T nên coi như anh L thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn như chị T trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh L có 02 người con chung tên Phan Văn S, sinh ngày 08-5-2002 và Phan Khánh D, sinh ngày 22-3-2013. Hiện cháu S đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không yêu cầu giải quyết; cháu D đang sống chung với chị T ổn định và theo nguyện vọng của cháu D tại biên bản lấy ý kiến cháu ngày 29-4-2021 thì cháu D có nguyện vọng sống với chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung như được học tập, về thể chất, trí tuệ và đạo đức..v.v, nên cần giao con chung tên Phan Khánh D, sinh ngày 22-3-2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu D cùng với chị.

[2.3] Về tài sản chung : Xét thấy, tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung. Xét lời khai của anh Phan Văn L yêu cầu giao tài sản chung của vợ chồng cho 02 con chung, nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ giữa vợ chồng có tài sản chung gồm những gì và tại biên bản lấy lời khai ngày 17-5-2021 chị T cũng thống nhất tự thỏa thuận với anh L về việc giao tài sản chung cho các con, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phan Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phan Khánh D, sinh ngày 22-3-2013 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu D cùng với chị.

Đối với con chung tên Phan Văn S, sinh ngày 08-5-2002 đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết.

Anh Phan Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001771 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Phan Văn L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc